

## NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

# TỈ LỆ SINH GIẢM - MỘT TRONG NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI NGHIÊM TRỌNG Ở HÀN QUỐC HIỆN NAY

TRẦN QUANG MINH\*

Tỉ lệ sinh cùng với tỉ lệ chết và nhập cư là những nhân tố quyết định quy mô dân số của một quốc gia. Nếu không tính nhập cư thì sự chênh lệch giữa tỉ lệ sinh và tỉ lệ chết được coi là tốc độ tăng dân số. Khi kinh tế càng phát triển, mức thu nhập và các điều kiện đảm bảo đời sống của con người, kể cả đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe càng tăng lên thì tuổi thọ trung bình ngày càng cao. Tuy nhiên cũng chính do đời sống được cải thiện mà con người càng muốn dành nhiều thời gian cho việc hưởng thụ, không muốn bận bịu nhiều với những công việc gia đình, kể cả việc sinh con và nuôi dạy con. Đây là một trong những nguyên nhân lý giải cho tình trạng lão hoá dân số và tỉ lệ sinh thấp ở hầu hết các nước phát triển. Hàn Quốc cũng không phải là một ngoại lệ. Tuy nhiên, so với nhiều nước phát triển khác, sự thay đổi tỉ lệ sinh ở Hàn Quốc có những nét rất đặc thù. Từ chỗ mỗi cặp vợ chồng thường có từ 4 đến 6 con trong những năm 1960, đến nay tỉ lệ sinh ở Hàn Quốc đã giảm xuống tới mức thấp nhất chưa từng có so với nhiều nước trên thế giới, đã và đang đặt quốc gia này trước những thách thức nghiêm trọng về vấn đề dân số trong tương lai.

### 1. Tình hình biến động dân số

Nếu như năm 1955, khi mới phân chia lãnh thổ, dân số của Hàn Quốc là 21,5 triệu người thì hiện nay đã là hơn 47 triệu người với mật độ dân số trung bình vào loại cao trên thế giới (457 người/km<sup>2</sup>). Như vậy, trong gần 5 thập kỷ, dân số Hàn Quốc đã tăng gấp hơn hai lần. Tuy nhiên, điều đáng nói ở đây là sự tăng dân số này chỉ diễn ra nhanh trong các thập kỷ 1960 và 1970 do sự tăng vọt tỷ lệ sinh để sau khi kết thúc chiến tranh. Kể từ thập kỷ 1980 đến nay, tỉ lệ sinh ngày càng giảm dần và hiện nay điều này đã và đang trở thành một vấn đề xã hội đáng lo ngại ở Hàn Quốc.

Xuất phát điểm từ một quốc gia nghèo nàn lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề với thu nhập bình quân đầu người trong những năm 1950 chỉ vào khoảng 80 USD, trở thành một nước công nghiệp phát triển đứng vào hàng thứ 10 trên thế giới với thu nhập bình quân đầu người xấp xỉ 14.000 USD như hiện nay, quy mô và cơ cấu dân số ở Hàn Quốc cũng biến động theo đúng quy luật nói trên. Tuy nhiên, điều đáng nói ở đây là nếu so với các nước phát triển tiên tiến khác thì sự biến động về dân số ở Hàn Quốc diễn ra trong một khoảng thời gian ngắn hơn và nhanh hơn. Điều này được thể hiện rõ trong bảng dưới đây.

\* Tiến sĩ, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

**Bảng 1: Tốc độ tăng dân số của một số nước trên thế giới**

	1950 - 55	1955 - 60	1960 - 65	1965 - 70	1970 - 75	1975 - 80	1980 - 85	1985 - 90	1990 - 95
Hàn Quốc	1,02	3,09	2,64	2,25	2,00	1,55	1,36	0,99	0,95
Thế giới	1,77	1,85	1,98	2,04	1,95	1,72	1,71	1,70	1,46
Các nước PT	1,21	1,18	1,10	0,81	0,79	0,65	0,57	0,60	0,41
Các nước ĐPT	2,04	2,15	2,36	2,53	2,37	2,08	2,07	2,02	1,75
Nhật Bản	1,43	0,93	0,99	1,07	1,33	0,93	0,68	0,44	0,31
Mỹ	1,61	1,69	1,41	1,01	0,94	0,91	0,97	0,99	0,99
Pháp	0,75	1,01	1,30	0,81	0,75	0,44	0,47	0,55	0,45
Đức	0,56	0,66	0,9	0,44	0,25	-0,1	-0,16	0,43	0,57
Thụy Điển	0,7	0,59	0,67	0,78	0,37	0,29	0,10	0,49	0,56

Nguồn: *The 2004 KDI-KAEA Conference on "Current Economic Issues of Korea"*, Korea Development Institute, 10/8/2004, tr. 3.

Ở Hàn Quốc, tỉ lệ sinh đẻ chỉ mới giảm mạnh trong những thập kỷ gần đây còn ở một số nước Châu Âu điều này đã xảy ra từ cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19. Tỉ lệ trẻ sơ sinh chết giảm đi ở các nước công nghiệp Châu Âu đã cho phép các gia đình có được một số lượng con trưởng thành theo mong muốn với tỉ lệ sinh đẻ thấp và các biện pháp kiểm soát sinh đẻ có hiệu quả đã góp phần vào xu hướng giảm tỉ lệ sinh dài hạn ở các nước này. Sau khi Chiến tranh Thế giới thứ hai kết thúc, tỉ lệ sinh ở nhiều nước đã tăng lên một cách đáng kể do sự bùng nổ dân số sau chiến tranh. Tuy nhiên, điều này cũng sớm chấm dứt vào cuối những năm 1950 và kể từ đó, tỉ lệ sinh ở các nước phát triển trở lại xu hướng giảm đi vốn có của nó trước chiến tranh. Vào đầu những

năm 1990, tỉ lệ sinh ở hầu hết các nước tiên tiến đã giảm đến mức thấp nhất và được duy trì ổn định ở mức này. Tuy nhiên, ở Hàn Quốc tỉ lệ sinh bắt đầu giảm kể từ cuối những năm 1960 và giảm mạnh trong những năm 1970 và 1980. Tính đến giữa những năm 1980, tỉ lệ sinh ở Hàn Quốc đã giảm xuống mức tương đương với mức của các nước phát triển.

Một điểm đáng nói khác, bên cạnh việc giảm nhanh và trong một khoảng thời gian ngắn, là tỉ lệ sinh ở Hàn Quốc gần đây đã giảm xuống tới mức mà người ta không hề nghĩ tới ở Hàn Quốc cũng như ở hầu hết các nước tiên tiến khác. Bảng dưới đây cho biết sự biến động của tỉ lệ sinh ở Hàn Quốc qua một số năm kể từ sau Chiến tranh Triều Tiên đến nay.

**Bảng 2: Sự biến động của tỉ lệ sinh ở Hàn Quốc (1955-2005)**

1955	1960	1970	1980	1990	1995	2000	2001	2002	2003
6,3	5,99	4,53	2,08	1,8	1,65	1,47	1,30	1,17	1,13

Nguồn: - *The 2004 KDI-KAEA Conference on "Current Economic Issues of Korea"*, Korea Development Institute, 10/8/2004, tr. 2.

- Lee Sam-sik, *Korea's Policy Direction on Fertility*, Korea Policy Review, 11/2005.

Theo dự báo của các nhà nhân khẩu học, tỉ lệ sinh thấp hiện nay ở Hàn Quốc vẫn tiếp tục duy trì trong tương lai và tốc độ tăng trưởng dân số bằng không sẽ xảy

ra vào năm 2017 với mức dân số cao nhất lúc đó vào khoảng 49,25 triệu người. Sau đó, dân số sẽ bắt đầu giảm và mức độ

giảm dân số của Hàn Quốc sẽ vào khoảng 0,2%/năm kể từ năm 2030.

## 2. Nguyên nhân giảm tỉ lệ sinh

Cùng với những nguyên nhân phổ biến của việc giảm tỉ lệ sinh ở các nước phát triển như khi thu nhập được cải thiện con người có xu hướng dành nhiều thời gian cho việc hưởng thụ, giải trí, du lịch, thể thao... hơn là bận bịu với những công việc nuôi dạy con cái; sự phát triển của khoa học kỹ thuật đã giúp cho các biện pháp kiểm soát sinh đẻ có hiệu quả hơn... Ở Hàn Quốc còn có những nguyên nhân khác mang tính đặc thù của quốc gia này.

*Thứ nhất*, theo kết quả nghiên cứu của nhiều nhà nhân khẩu học Hàn Quốc, sự giảm tỉ lệ sinh ở Hàn Quốc trước hết là hệ quả của sự thay đổi nhận thức của thanh niên đối với vấn đề kết hôn và sinh con. Theo kết quả điều tra của Viện công tác sức khoẻ và xã hội Hàn Quốc năm 2003, 3,4% những người chưa lập gia đình ở Hàn Quốc (3,1% nam và 3,6% nữ) cho rằng tốt nhất là không kết hôn; 25,7% số người được hỏi (16,3% nam và 37,9% nữ) cho rằng kết hôn hay không cũng không hề gì; 47,8% (49,4% nam và 45,8% nữ) cho rằng nên kết hôn; chỉ có 21% (28,7% nam và 11,1% nữ) cho rằng cần phải kết hôn; và 2,1% (2,5% nam và 1,6% nữ) trả lời không biết. Các con số này đã cho thấy nhận thức của thanh niên Hàn Quốc nói chung về sự cần thiết phải kết hôn chiếm tỉ lệ rất thấp chỉ bằng 1/5 tổng số người được hỏi, nhưng thậm chí nhận thức của nữ giới về vấn đề này còn chiếm tỉ lệ thấp hơn rất nhiều so với nam giới (khoảng 1/10 số người được hỏi)<sup>(1)</sup>.

Những lý do chính cho việc không muốn kết hôn ở nữ giới là thiếu sự đảm bảo kinh tế, việc làm và gánh nặng của

đời sống gia đình. Đặc biệt là xu hướng muốn sống độc thân đã tăng mạnh trong số những phụ nữ có trình độ giáo dục cao.

Tuổi kết hôn lần đầu ở Hàn Quốc đã tăng từ 26,8 vào năm 1975 lên 30,6 năm 2004 đối với nam và từ 22,8 lên 27,5 đối với nữ trong cùng thời kỳ. Tỉ lệ phụ nữ độc thân tuổi từ 20-24 đã tăng từ 57,2% năm 1970 lên tới 90% vào năm 2000. Tỉ lệ phụ nữ độc thân vào năm 2000 ở các độ tuổi cao hơn cũng tăng lên đáng kể: ở độ tuổi 25-29 là 40%, độ tuổi từ 30-34 là 10%, và độ tuổi từ 35-39 là 4,3%.

Theo số liệu của cuộc điều tra về sinh đẻ và sức khoẻ gia đình năm 1991, trong số phụ nữ đã lập gia đình có 90,3% muốn có con. Tuy nhiên, con số này đã giảm dần còn 73,7% vào năm 1997 và 54,5% vào năm 2003. Tỉ lệ số người cho rằng không cần thiết phải sinh con sau khi kết hôn là 24,9% đối với nam và 35,1% đối với nữ. Lý do chính mà họ đưa ra là gánh nặng kinh tế khi có con (45,5% đối với nam, 38,1% đối với nữ) và không đủ tình yêu giữa các cặp vợ chồng (41,6% đối với nam và 43,6% đối với nữ).

*Nguyên nhân thứ hai* của việc giảm tỉ lệ sinh có quan hệ với trình độ giáo dục ngày càng được nâng cao ở phụ nữ. Khi trình độ đào tạo của phụ nữ theo các cấp học càng tăng thì tuổi kết hôn và tuổi sinh con của họ cũng tăng theo. Theo các số liệu thống kê, tỉ lệ sinh viên nữ ở tuổi sinh con (15-49) theo học đại học và sau đại học chỉ là 2,5% năm 1970. Nhưng con số này đã tăng dần theo thời gian: năm 1985 là 10%, 1995: 20%, và 2000: 30%. Trong đó, riêng năm 2000, tỉ lệ này là đồng nhất đối với những người ở độ tuổi 20-24: 62,4%, tiếp đến là độ tuổi 25-29: 46,2%; và độ tuổi 30-34: 35,4%<sup>(2)</sup>.

<sup>(1)</sup>. Korea Policy Review, 11/2005, tr. 36

**Bảng 3: Sự thay đổi tỉ lệ phụ nữ có trình độ ở tuổi sinh đẻ (%)**

Năm	1982	1990	1995	2000	2001
Trình độ phổ thông	64,5	76,3	72,3	61,3	58,1
Cao đẳng và đại học trở lên	6,7	19,4	25,7	37,5	40,6

Nguồn: - *The 2004 KDI-KAEA Conference on "Current Economic Issues of Korea"*, Korea Development Institute, 10/8/2004, tr. 7.

Con số trung bình những trẻ em được sinh ra cũng giảm dần theo trình độ giáo dục tăng lên của phụ nữ. Năm 2000 con số này là 1,52 đối với phụ nữ có trình độ học vấn cao, 1,76 đối với phụ nữ có trình độ giáo dục phổ thông. Xu hướng này ngày càng giảm đi theo thời gian và theo nhóm tuổi. Những phụ nữ có trình độ giáo dục cao thường ít sinh con ở độ tuổi 20-30 mà thường ở độ tuổi từ 30-34. Điều này đã góp phần lý giải tình trạng kết hôn và sinh con muộn, đặc biệt là ở những phụ nữ có trình độ giáo dục cao.

*Nguyên nhân thứ ba* của vấn đề giảm tỉ lệ sinh ở Hàn Quốc có quan hệ với việc làm và thất nghiệp, đặc biệt là đối với phụ nữ nói riêng và thanh niên nói chung. Theo số liệu điều tra thống kê, tỉ lệ lao động nữ ở Hàn Quốc đã tăng từ 45% trong những năm 1980 lên hơn 50% trong những năm gần đây. Tỉ lệ thất nghiệp được duy trì ở mức khá ổn định khoảng 2% đối với cả nam và nữ trước năm 1997. Tuy nhiên, sau cuộc khủng hoảng tài chính 1997-1998, con số này đã tăng vọt tới 7% đối với nam và 5% đối với nữ. Trong những năm gần đây con số này được duy trì ở mức tương đối ổn định từ 4-5% đối với nam và 3-4% đối với nữ. Nhưng điều đáng nói là tỉ lệ thất nghiệp đối với những người độc thân, đặc biệt là thanh niên, cao hơn rất nhiều so với những người đã lập gia đình. Khi chưa có công ăn việc làm hoặc việc làm chưa ổn

định thì người ta chưa thể nghĩ đến chuyện kết hôn hoặc sinh con. Vì thế, có thể nói sự biến động của thị trường lao động ở Hàn Quốc trong những năm gần đây, với sự gia tăng của tỉ lệ thất nghiệp, cũng góp phần làm tăng tuổi kết hôn và sinh con và do đó làm giảm tỉ lệ sinh ở quốc gia này.

*Nguyên nhân thứ tư* phải kể đến là tình trạng ly hôn ngày càng gia tăng. Theo số liệu điều tra thống kê, số vụ ly hôn ở Hàn Quốc năm 2003 cao hơn 14 lần so với năm 1970 (từ 12.000 vụ lên tới 167.000 vụ). Tỉ lệ ly hôn đã tăng từ 0,4% năm 1970 lên 3,5% năm 2003. Tình trạng ly hôn tăng cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc giảm tỉ lệ sinh bởi vì một khi cuộc sống gia đình có vấn đề, đặc biệt là khi những vấn đề đó không thể khắc phục được dẫn tới sự tan vỡ, thì người ta không thể nghĩ đến chuyện có con.

Theo kết quả của một cuộc điều tra chọn mẫu, tỉ lệ trẻ em trung bình được sinh ra trên một phụ nữ ở trong độ tuổi sinh đẻ là lớn nhất đối với những phụ nữ sau khi kết hôn sống chung với chồng, tiếp theo là đối với những phụ nữ sau khi kết hôn nhưng không sống chung với chồng vì lý do công việc hoặc lý do khác, và thấp nhất đối với những phụ nữ đã ly dị hoặc sống ly thân.

*Nguyên nhân thứ năm* là sự thay đổi cấu trúc gia đình và sự bất ổn định về nhà ở. Trong những năm gần đây, cấu trúc gia

<sup>(2)</sup> *Korea Policy Review*, 11/2005, tr. 37.

đình ở Hàn Quốc có xu hướng giảm dần về quy mô. Số lượng các gia đình với hai hoặc ba thế hệ sống chung ngày càng giảm đi, trong khi đó các gia đình nhỏ với hai vợ chồng, hoặc chỉ có một người sống độc thân ngày càng tăng lên. Theo số liệu điều tra đối với các chủ gia đình ở tuổi từ 15-39, tỉ lệ số gia đình có bố mẹ chung sống với con cái đã giảm từ 67% năm 1985 xuống 60,8% năm 2000. Trái lại, tỉ lệ số gia đình chỉ có hai vợ chồng đã tăng từ 6,9% lên 15,5%; số hộ gia đình có 3 thế hệ chung sống đã giảm chỉ còn khoảng 9%. Tình trạng thiếu người trợ giúp do muốn sống độc lập tách biệt với bố mẹ sau khi kết hôn cũng là lý do khiến các cặp vợ chồng trẻ chưa muốn hoặc không muốn có con.

Mặt khác, sự bất ổn định về chỗ ở cũng góp phần làm giảm tỉ lệ sinh. Do tình trạng tập trung dân cư ngày càng tăng ở các đô thị, có một chỗ ở ổn định cũng là một vấn đề hết sức khó khăn đối với các cặp vợ chồng trẻ mới ra ở riêng. Phần lớn trong số họ chỉ có thể thuê nhà. Những cặp vợ chồng có nhà riêng không nhiều. Con số điều tra thống kê đã cho thấy, tỉ lệ trung bình số trẻ em sinh ra trong các gia đình có nhà riêng cao hơn nhiều so với các gia đình phải thuê chỗ ở.

### 3. Chính sách dân số của Chính phủ

Trong vòng hơn 4 thập kỷ vừa qua, chính sách dân số của Chính phủ Hàn Quốc cũng có những thay đổi đáng kể theo sự thay đổi tình hình dân số của quốc gia.

Trong những năm 1960, Chính phủ chủ trương hạn chế sinh đẻ bằng chương trình kế hoạch hoá gia đình và nó được bắt đầu thực hiện vào năm 1961. Chương trình này được coi là một bộ phận cấu thành của kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm lần thứ nhất. Lúc đó, trước tình trạng dân số tăng nhanh với mỗi cặp vợ chồng thường sinh từ 4 đến 6 con, Chính phủ e rằng tình trạng quá tải về dân số sẽ cản trở sự phát triển

kinh tế. Khẩu hiệu đề ra lúc đó để cảnh báo các gia đình muốn sinh nhiều con là họ sẽ trở thành "những người ăn mày nếu không kế hoạch hoá gia đình".

Trong những năm 1970, Chính phủ đã đẩy mạnh chính sách hạn chế sinh đẻ bằng những biện pháp khuyến khích hữu hiệu bằng vật chất. Cụ thể là: cung cấp những khoản trợ cấp xã hội cần thiết để khuyến khích mọi người sử dụng các biện pháp tránh thai; phổ biến các biện pháp tránh thai có hiệu quả đồng thời củng cố các tổ chức vận động sinh đẻ có kế hoạch.

Trong những năm 1980, chính sách hạn chế sinh đẻ được đẩy mạnh hơn nữa với việc tăng cường các biện pháp tránh thai và tăng thêm các khoản trợ cấp xã hội cho việc thực hiện các biện pháp tránh thai. Khẩu hiệu đề ra trong những năm này là "hai con vẫn là nhiều". Chính sách hạn chế sinh đẻ đã thành công, tuy nhiên, nó đã thành công ở mức thái quá. Tỉ lệ sinh đẻ ở Hàn Quốc đã giảm xuống dưới mức lý tưởng để duy trì một quy mô dân số ổn định là 2,1% kể từ giữa những năm 1980.

Bước sang những năm 1990, Chính phủ Hàn Quốc ban hành chính sách dân số mới với sự nhấn mạnh vào chất lượng và phúc lợi cho cộng đồng dân cư (1996). Và kể từ năm 2000 đến nay, trước tình trạng già hoá dân số và tỉ lệ sinh ngày càng giảm đến mức báo động, chính sách dân số đã chuyển từ hạn chế sinh đẻ trước đây sang khuyến khích sinh đẻ. Một số biện pháp chính sách chủ yếu đã và sẽ được thực hiện bao gồm: tăng các khoản trợ cấp bảo hiểm sức khoẻ và giảm gánh nặng chi phí cho phụ nữ mang thai và sinh con. Những biện pháp cụ thể để thực hiện chủ trương này bao gồm việc tăng tiền trợ cấp bảo hiểm sức khoẻ đối với các ca phẫu thuật phục hồi ống dẫn tinh ở nam giới và ống dẫn trứng ở nữ giới; tăng cường các loại dịch vụ để giúp đỡ phụ nữ trước khi sinh con,

trả toàn bộ chi phí cho việc sinh con tự nhiên, và tăng cường việc khám thai miễn phí để ngăn ngừa dị tật ở trẻ sơ sinh.

Năm 2004, Chính phủ đã ban hành chính sách giảm thuế thu nhập cho các trường hợp sinh con, miễn thuế thu nhập đối với các khoản trợ cấp sinh con và nuôi con. Thêm vào đó, Chính phủ còn thực hiện giảm thuế thu nhập đối với những gia đình có con dưới 6 tuổi và tăng giới hạn trên của mức thuế được giảm.

Theo đánh giá của một quan chức chính phủ Hàn Quốc, những biện pháp khuyến khích sinh đẻ nói trên cần phải được thực hiện sớm hơn. Cũng theo quan chức này, vì Hàn Quốc đã tập trung nhiều nỗ lực vào việc hạn chế sinh đẻ trong suốt 40 năm, việc thực hiện các chính sách thay đổi theo hướng ngược lại là hết sức khó khăn. Nhiều biện pháp chính sách nhằm đảo ngược xu hướng sinh đẻ của người dân Hàn Quốc chưa thực sự phát huy tác dụng.

Đầu năm 2005, Hàn Quốc đã đẩy lên phong trào vận động phụ nữ sinh con và có ít nhất là 2 con. Đó là phong trào với tên gọi "1-2-3": sinh con ngay trong năm đầu sau khi kết hôn và sinh con thứ hai trước khi bước sang tuổi 30. Nhưng phong trào này đã sớm kết thúc một cách không hiệu quả bởi vì thực tế đã cho thấy hiện nay thanh niên Hàn Quốc không muốn kết hôn sớm. Họ thường kết hôn ở tuổi xấp xỉ 30 hoặc muộn hơn. Do đó, việc vận động họ có con thứ hai trước tuổi 30 là không hiện thực. Hiện nay, Chính phủ Hàn Quốc đang nghiên cứu những biện pháp hữu hiệu hơn để khuyến khích sinh đẻ.

Cùng với chính phủ trung ương, các chính quyền địa phương ở Hàn Quốc cũng đang nỗ lực thực hiện các biện pháp cần thiết để tăng quy mô dân số của địa phương mình. Ví dụ, tháng 4/2005 tỉnh Seocheon, một tỉnh ở bờ biển phía Tây với dân số giảm tới hơn một nửa từ 150.000

người trong những năm 1960 xuống còn 65.000 người hiện nay, đã bắt đầu thực hiện chủ trương thưởng 300 USD cho các cặp vợ chồng sinh con đầu hoặc con thứ hai, 800 USD cho các cặp vợ chồng sinh con thứ ba. Theo ông Lee Kwon Hee - Phó Tỉnh trưởng, một số làng ở tỉnh ông thậm chí 18 năm nay chưa được nghe tiếng trẻ khóc. Những biện pháp khuyến khích sinh đẻ bước đầu đã có kết quả, mặc dù chưa cao.

Tóm lại, tỉ lệ sinh thấp ở Hàn Quốc hiện nay là một vấn đề đang thu hút sự quan tâm của chính phủ cũng như các nhà dân số học và toàn xã hội. Dư luận chung ở Hàn Quốc hiện nay là cho dù ở bất cứ hoàn cảnh nào thì việc kết hôn và sinh con là trách nhiệm không chỉ của các cá nhân và các gia đình, mà còn là trách nhiệm chung của toàn xã hội. Hơn nữa, có người còn nhấn mạnh đến khía cạnh trách nhiệm của quốc gia trong việc khuyến khích kết hôn và các khoản đầu tư lớn chi cho vấn đề tăng dân số. Người ta cũng cho rằng các chính sách xã hội nhằm tăng tỉ lệ sinh sẽ không có hiệu lực nếu như không thu hút được sự quan tâm của cả quốc gia.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. "The Effects of Economic and Population Growth on National Saving and Inequality" Demography Reviews, 34(1), 1997, pp.97-114.
2. Bae Keun-min, *Korea Unprepared for Aging Society*, Tài liệu thông tin trên mạng Internet.
3. David J.Nemeth (2004), *Geography of the Koreas*, Tài liệu thông tin trên mạng Internet.
4. Jong-Wha Lee, "Economic Growth and Human Development in the Republic of Korea, 1945-1992", Tài liệu thông tin trên mạng Internet.
5. Krause and Fun-Koo Park eds, *Social Issues in Korea: Korean and American Perspectives*, KDI (Seoul, Korea), 1993.
6. Nguyễn Vĩnh Sơn (1996), *Tìm hiểu Hàn Quốc*, Viện nghiên cứu và phổ biến tri thức bách khoa, Hà Nội 1996.